

Số: /2024/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 11 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các cấp thuộc ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 5049/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các cấp thuộc ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 99/BC-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các cấp thuộc ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND như sau:

“b) Phân bổ chi hoạt động thường xuyên

Cùng với nguồn thu phí được để lại và chi hoạt động thường xuyên được phân bổ, các đơn vị quản lý theo cơ chế tự chủ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định. Định mức phân bổ cho hoạt động thường xuyên như sau:

Định mức chung phân bổ chi ngân sách:

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
Cơ quan được giao từ 40 biên chế trở lên	50 triệu đồng/biên chế thực tế/năm
Cơ quan được giao từ 30 đến dưới 40 biên chế	62 triệu đồng/biên chế thực tế/năm
Cơ quan được giao từ 20 đến dưới 30 biên chế	71 triệu đồng/biên chế thực tế/năm
Cơ quan được giao trên 10 đến dưới 20 biên chế	81 triệu đồng/biên chế thực tế/năm
Cơ quan được giao từ 10 biên chế trở xuống	96 triệu đồng/biên chế thực tế/năm
Các Ban, cơ quan của Đảng, các Đoàn thể	66 triệu đồng/biên chế thực tế/năm
Văn phòng Tỉnh ủy	70 triệu đồng/biên chế thực tế/năm
Văn phòng Đoàn ĐHQH và HĐND tỉnh	75 triệu đồng/biên chế thực tế/năm
Văn phòng UBND tỉnh	85 triệu đồng/biên chế thực tế/năm

Căn cứ vào hoạt động đặc thù của từng cơ quan, áp dụng hệ số phân bổ chi hoạt động thường xuyên như sau:

Các cơ quan thuộc khối Đảng: Hệ số 1,3.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Hệ số 1,2.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và Hội Cựu chiến binh tỉnh: Hệ số 1,1.

Các sở, ban, ngành còn lại là đơn vị dự toán cấp I: Hệ số 1,0.

Các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh: Hệ số 0,8 và các đơn vị trực thuộc đơn vị trực thuộc cấp sở: Hệ số 0,7.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 12 như sau:

“đ) Trường hợp trong năm các trường (trừ Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam) đã nỗ lực tuyển sinh nhưng tỷ lệ tuyển sinh không đạt chỉ tiêu, dẫn đến chỉ tiêu đào tạo bình quân đến cuối năm đạt dưới 80% chỉ tiêu đào tạo bình quân tỉnh giao thì dự toán được phân bổ lại theo quỹ lương và chi hoạt động đối với 80% biên chế trong phạm vi biên chế được cấp thẩm quyền giao và định mức phân bổ chi hoạt động áp dụng theo định mức phân bổ chi hoạt động sự nghiệp còn lại tại Điều 14. Đồng thời, đảm bảo theo các nguyên tắc sau: (1) Quỹ lương được xác định theo quỹ lương tại thời điểm lập dự toán ngân sách của năm đó. (2) Trường hợp tính lại dự toán dẫn đến số thu hồi lớn hơn cách tính theo chỉ tiêu đào tạo thì không áp dụng nguyên tắc tính lại dự toán theo cơ chế quỹ lương và hoạt động của 80% biên chế thực tế có mặt nêu trên. (3) Dự toán giao đầu năm theo chỉ tiêu đào tạo là mức tối đa, trường hợp tính lại dự toán theo cơ chế quỹ lương và hoạt động của 80% biên chế thực tế có mặt cao hơn dự toán đã giao đầu năm theo chỉ tiêu đào tạo thì ngân sách không cấp thêm phần chênh lệch tăng”.

b) Bổ sung điểm e vào khoản 1 Điều 12 như sau:

“e) Đối với đào tạo nhóm ngành, nghề y, dược tại Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam:

Phân bổ tiền lương (mức lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định) đối với viên chức, hợp đồng lao động theo quy định thực tế có mặt trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt với hệ số lương 0,33 và các khoản đóng góp theo quy định.

Chi hoạt động thường xuyên: 87 triệu đồng/người làm việc thực tế/năm.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND; các khoản 3, 4 Điều 1 Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND như sau:

“1. Đối với các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh (gọi chung là cơ sở y tế điều trị):

a) Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và nguyên tắc tự bảo đảm chi thường xuyên từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

b) Đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ. Trong đó, mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách là phần chênh lệch giữa tổng các khoản thu, khoản chi được xác định theo nguyên tắc sau:

Tổng các khoản thu: Tính đúng, tính đủ theo quy định các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động sự nghiệp, thu phí được để lại, thu khác theo quy định của pháp luật.

Tổng các khoản chi, gồm: (1) Chi tiền lương (không bao gồm các khoản phụ cấp tăng thêm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của

Chính phủ), gồm: Tiền lương, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có), các khoản đóng góp theo quy định đối với viên chức, hợp đồng lao động theo quy định thực tế có mặt tại thời điểm lập dự toán năm sau trong phạm vi chỉ tiêu số người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt; tiền công theo hợp đồng vụ việc; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt trong phạm vi chỉ tiêu số người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt với hệ số nâng lương 0,33 và các khoản đóng góp theo quy định; (2) Chi phí trực tiếp phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh: chi phí về thuốc, hóa chất, dịch truyền, vật tư y tế, thiết bị y tế...; (3) Chi hoạt động (không bao gồm chi phí trực tiếp phục vụ công tác khám chữa bệnh nêu trên): thuê chuyên gia, bác sỹ, giáo sư tuyến trên (nếu có); chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý; chi phí dịch vụ thuê ngoài; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên; các khoản chi khác. Đồng thời, đảm bảo tối đa không quá 65 triệu đồng/giường bệnh/năm.

2. Định mức phân bổ chi thường xuyên đối với cơ sở y tế dự phòng tuyến tỉnh: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ. Trong đó, mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách là phần chênh lệch giữa tổng các khoản thu, khoản chi được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Tổng các khoản thu: Tính đúng, tính đủ theo quy định các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động sự nghiệp, thu phí được để lại, thu khác theo quy định của pháp luật.

b) Tổng các khoản chi, gồm: (1) Chi tiền lương (không bao gồm các khoản phụ cấp tăng thêm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ), gồm: Tiền lương, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có), các khoản đóng góp theo quy định đối với viên chức, hợp đồng lao động theo quy định thực tế có mặt tại thời điểm lập dự toán năm sau trong phạm vi chỉ tiêu số người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt; tiền công theo hợp đồng vụ việc; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt trong phạm vi chỉ tiêu số người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt với hệ số nâng lương 0,33 và các khoản đóng góp theo quy định; (2) Chi hoạt động, gồm: thuê chuyên gia, bác sỹ, giáo sư tuyến trên (nếu có); chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý; chi phí dịch vụ thuê ngoài; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên; các khoản chi khác. Đồng thời, đảm bảo chi hoạt động tối đa không quá 36 triệu đồng/biên chế thực tế/năm (đối với đơn vị được giao 50 biên chế trở lên); 39 triệu đồng/biên chế thực tế/năm (đối với đơn vị được giao 40 đến dưới 50 biên chế); 42 triệu đồng/biên chế thực tế/năm (đối với đơn vị được giao 30 đến dưới 40 biên chế); 46 triệu đồng/biên chế thực tế /năm (đối với đơn vị được giao dưới 30 biên chế).

3. Định mức phân bổ chi thường xuyên đối với các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ đối với Trung tâm y tế đa chức năng.

a) Đối với hoạt động khám, chữa bệnh: Mức hỗ trợ từ ngân sách là phần chênh lệch giữa tổng các khoản thu, khoản chi được xác định theo nguyên tắc sau:

Tổng các khoản thu: Tính đúng, tính đủ theo quy định các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động sự nghiệp, thu phí được để lại, thu khác theo quy định của pháp luật.

Tổng các khoản chi, gồm: (1) Chi tiền lương (không bao gồm các khoản phụ cấp tăng thêm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ), gồm: Tiền lương, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có), các khoản đóng góp theo quy định đối với viên chức, hợp đồng lao động theo quy định thực tế có mặt tại thời điểm lập dự toán năm sau trong phạm vi chỉ tiêu số người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt; tiền công theo hợp đồng vụ việc; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt trong phạm vi chỉ tiêu số người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt với hệ số nâng lương 0,33 và các khoản đóng góp theo quy định; (2) Chi phí trực tiếp phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh: chi phí về thuốc, hóa chất, dịch truyền, vật tư y tế, thiết bị y tế...; (3) Chi hoạt động (không bao gồm chi phí trực tiếp phục vụ công tác khám chữa bệnh nêu trên): thuê chuyên gia, bác sỹ, giáo sư tuyến trên (nếu có); chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý; chi phí dịch vụ thuê ngoài; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên; các khoản chi khác. Đồng thời, đảm bảo tối đa không quá 60 triệu đồng/giường bệnh/năm.

b) Đối với hoạt động y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm, hoạt động của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn: Mức hỗ trợ từ ngân sách là phần chênh lệch giữa tổng các khoản thu, khoản chi được xác định theo nguyên tắc sau:

Tổng các khoản thu: Tính đúng, tính đủ theo quy định các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động sự nghiệp, thu phí được để lại, thu khác theo quy định của pháp luật.

Tổng các khoản chi, gồm: (1) Chi tiền lương (không bao gồm các khoản phụ cấp tăng thêm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ), gồm: Tiền lương, các khoản phụ cấp (kể cả phụ cấp cấp ủy nếu có), các khoản đóng góp theo quy định đối với viên chức, hợp đồng lao động theo quy định thực tế có mặt tại thời điểm lập dự toán năm sau trong phạm vi chỉ tiêu số người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt hưởng lương từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ cung cấp y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm, hoạt động của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; tiền công theo hợp đồng vụ việc; đồng thời, xác định thêm để nâng lương định kỳ bằng 1/3 số lao động thực tế có mặt trong phạm vi chỉ tiêu số người làm việc được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt với hệ số nâng lương 0,33 và các khoản đóng góp theo quy định; (2) Chi hoạt động, gồm: thuê chuyên gia, bác sỹ, giáo sư tuyến trên (nếu có); chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý; chi phí dịch vụ thuê ngoài; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên; các khoản chi khác. Đồng thời, đảm bảo chi hoạt động tối đa không quá 32 triệu đồng/biên chế thực tế/năm (đối với đơn vị được giao 50 biên chế trở lên); 34 triệu đồng/biên chế thực tế/năm (đối với

đơn vị được giao 40 đến dưới 50 biên chế); 38 triệu đồng/biên chế thực tế/năm (đối với đơn vị được giao 30 đến dưới 40 biên chế); 41 triệu đồng/biên chế thực tế/năm (đối với đơn vị được giao dưới 30 biên chế).”

4. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 14 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND như sau:

“b) Chi hoạt động thường xuyên:

Chỉ tiêu	Định mức phân bổ (triệu đồng/số người làm việc thực tế / năm)	
	Đơn vị trực thuộc UBND tỉnh	Đơn vị trực thuộc cấp sở)
Cơ quan được giao từ 50 biên chế trở lên	40	32
Cơ quan được giao từ 40 đến dưới 50 biên chế	43	34
Cơ quan được giao từ 30 đến dưới 40 biên chế	47	38
Cơ quan được giao dưới 30 biên chế	51	41

Điều 2. Bãi bỏ một số nội dung Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Bãi bỏ nội dung “Nhóm ngành, nghề y, dược: 18,872 triệu đồng/học sinh, sinh viên/năm” tại điểm b khoản 1 Điều 12.

2. Bãi bỏ nội dung “Nhóm ngành, nghề y, dược: 15,098 triệu đồng/học sinh, sinh viên/năm” tại điểm c khoản 1 Điều 12.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong đó:

a) Đối với triển khai định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này, giao Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí, sắp xếp lại nguồn kinh phí giao không tự chủ và điều chỉnh dự toán đã giao tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho phù hợp và đúng quy định đối với các cơ quan, đơn vị sau khi áp dụng định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên năm 2024 vượt nhu cầu đảm bảo quỹ lương và kinh phí hoạt động đối với hợp đồng hỗ trợ, phục vụ đã bố trí dự toán 2024.

Ngân sách tỉnh bố trí lại nguồn kinh phí giao không tự chủ để cơ quan, đơn vị thực hiện phương án hợp đồng thuê dịch vụ đối với cơ quan, đơn vị sau khi áp dụng định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên năm 2024 chưa đảm bảo nhu cầu bảo quỹ lương và kinh phí hoạt động đối với hợp đồng hỗ trợ, phục vụ đã bố trí dự toán 2024.

Đối với năm 2025, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tự sắp xếp, cân đối kinh phí đảm bảo cho các hợp đồng hỗ trợ, phục vụ trong phạm vi dự toán được giao.

b) Đối với triển khai định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này, giao Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, sắp xếp dự toán năm 2024 (kể cả các khoản dự toán năm 2024 chưa triển khai kịp thời) để đảm bảo thực hiện; đồng thời, ưu tiên cân đối đảm bảo chi lương và chế độ, chính sách cho người lao động.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn kịp thời hướng dẫn nội dung liên quan định mức phân bổ chi cho hợp đồng lao động của các lĩnh vực thuộc ngân sách cấp huyện để đảm bảo tính đồng bộ giữa các cấp ngân sách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Các nội dung khác tại Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các cấp thuộc ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực thi hành.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ hai mươi bốn thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (2).

**TM. CHỦ TỌA KỲ HỌP
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Xuân Vinh